

- Neuroepidemiology, 2013. **41**(3-4): p. 156-60.
5. **Wilartratsami, S., et al.**, Prevalence of primary spinal tumors: 15-year data from Siriraj Hospital. J Med Assoc Thai, 2014. **97 Suppl 9**: p. S83-7.
6. **Dang, L., et al.**, Primary tumors of the spine: a review of clinical features in 438 patients. J Neurooncol, 2015. **121**(3): p. 513-20.
7. **Maira, G., et al.**, Surgical treatment of cervical intramedullary spinal cord tumors. Neurol Res, 2001. **23**(8): p. 835-42.
8. **Lin, L., et al.**, Clinical therapeutic effect of surgery on upper cervical spinal cord tumors. Zhong Nan Da Xue Xue Bao Yi Xue Ban, 2015. **40**(9): p. 1000-7.

ĐÁNH GIÁ ĐỘC TÍNH BÁN TRƯỜNG DIỄN TRÊN CHỨC NĂNG GAN, THẬN CỦA VIÊN NANG CỨNG FUCOLEN SAU BÀO CHẾ TRÊN ĐỘNG VẬT THỰC NGHIỆM

Trần Văn Thuận^{1,2}, Nguyễn Văn Khiêm³,
Trần Thị Thanh Hương^{1,2}, Vũ Mạnh Tuấn², Nguyễn Tiến Quang¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá độc tính bán trường diễn của viên nang cứng Fucolen trên hệ tạo huyết trên chuột nhắt trắng chủng Wistar. **Đối tượng & Phương pháp:** nghiên cứu thực nghiệm trên 30 chuột trắng chủng Wistar. **Kết quả:** Sau khi sử dụng thuốc 4 tuần, 8 tuần, 12 tuần thì sự thay đổi về các chỉ số chức năng gan (AST, ALT) và creatinin trong máu chuột sử dụng thuốc không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với lô chuột ở nhóm chứng ($p > 0,05$). Không có sự thay đổi hình ảnh vi thể của gan, thận giữa chuột nhóm chứng và nhóm thực nghiệm. **Kết luận:** Viên nang cứng Fucolen liều tương đương liều dự kiến lâm sàng (0,48 viên/kg/ngày uống liên tục 12 tuần không gây độc tính bán trường diễn trên gan và thận trên chuột thực nghiệm.

Từ khóa: Độc tính bán trường diễn, Gan, Thận, Fucolen

SUMMARY

EXAMINES THE SEMI-CHRONIC TOXICITIES OF FUCOLEN ON EXPERIMENTAL ANIMALS

Objective: To examine the semi-chronic toxicities of Fucolen on experimental animals. **Subject and Method:** semi-chronic toxicities of the Fucolen were evaluated on 30 Wistar mice on hematopoietic function. **Results:** after using Fucolen 4 weeks, 8 weeks and 12 weeks, the change of AST, ALT, creatinin in blood no different significant compare to control mice group ($p > 0,05$). There were also no changes in invitro of liver and kidney tissues. **Conclusion:** Fucolen is not toxic for mice and mice liver and kidney function. **Keywords:** Semi-toxicities; liver and kidney function, Fucolen

¹Viện Ung thư quốc gia, Bệnh viện K

²Trường Đại học Y Hà Nội

³Viện Dược liệu

Chịu trách nhiệm chính: Trần Thanh Hương

Email: huongtran2008@gmail.com

Ngày nhận bài: 25.01.2021

Ngày phản biện khoa học: 22.3.2021

Ngày duyệt bài: 29.3.2021

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Fucoidan là một hợp chất poly-saccharide có nguồn gốc tự nhiên được tìm thấy trong các loài tảo nâu khác nhau và ở một số động vật, được biết đến nhờ đặc tính chống ung thư của nó. Fucoidan có khả năng ức chế sự tăng trưởng, tăng sinh và di căn của các tế bào ung thư, loại bỏ độc tố tế bào dư thừa và loại bỏ các quá trình viêm.

Nấm chứa Lentinan kết hợp với chiết xuất rong biển tảo nâu chứa Fucoidan có tác dụng điều tiết đặc biệt đối với hệ thống miễn dịch, làm tăng cường hoạt động và duy trì hoạt động ở mức độ đỉnh của tế bào T, tế bào diệt tự nhiên và do vậy có các đặc tính cần thiết để ức chế sự phát triển của khối u. Lentinan có. Lentinan cũng cung cấp β -glucan có thể ngăn ngừa các khối u phát triển mạch máu (xây dựng các mạch mới) cần thiết để cung cấp một khối u và nó có thể bắt đầu chương trình tự sát của tế bào (apoptosis). Trong quá hóa trị và/hoặc xạ trị, sự tạo máu xấu đi, Lentinan và Fucoidan có thể giúp củng cố các mô khỏe mạnh và do đó để bảo vệ chúng khỏi các tác dụng phụ [1], [2], [3].

Trên thế giới, các nghiên cứu nhằm kết hợp các thành phần khác nhau nhằm làm tăng tác dụng của sản phẩm trong hỗ trợ bệnh nhân ung thư đang là hướng đi mới. Việc kết hợp Fucoidan và Lentinan với tỷ lệ thích hợp được kỳ vọng sẽ phát huy được tối đa tác dụng hỗ trợ trong điều trị ung thư cho bệnh nhân, dựa trên nguyên lý và cơ chế tác dụng đã được chứng minh của cả hai nguyên liệu này (liều tác dụng đơn chất của: Lentinan là 800mg/ngày, Fucoidan là 600mg/ngày). Việc kết hợp Lentinan và Fucoidan với tỷ lệ khác nhau đã được các nước phát triển như Nhật Bản, Đài Loan sử dụng và cho ra đời các sản phẩm thương mại hỗ trợ điều trị ung thư. Các sản phẩm này cũng đã được đánh giá là tốt trong

việc hỗ trợ điều trị ung thư, nhưng giá thành sản phẩm còn rất cao so với thu nhập của người dân Việt Nam. Hiện nay, nước ta có nguồn nguyên liệu tự nhiên sẵn có như nấm hương với hàm lượng Lentinan rất cao, tảo nâu với hàm lượng Fucoidan cao đã nuôi trồng thành công trong nước [4], [5], [6], [7].

Fucolen là sản phẩm được xây dựng với tỷ lệ hàm lượng đủ lớn Lentinan kết hợp với liều thích hợp của Fucoidan, đã được đánh giá tính ổn định, chúng tôi thực hiện đề tài này nhằm đánh giá độc tính bán trường diễn của viên nang cứng Fucolen trên gan, thận trên mô hình động vật thực nghiệm.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thời gian và địa điểm nghiên cứu:

Nghiên cứu được thực hiện tại Trung tâm nghiên cứu lâm sàng thuộc Viện Ung thư quốc gia và Trung tâm Dược lý lâm sàng, trường Đại học Y Hà Nội trong khoảng thời gian từ 1/10/2019 – 30/7/2020.

2.2. Nguyên liệu và đối tượng nghiên cứu:

- **Thuốc nghiên cứu:** 3500 Viên nang cứng Fucolen. Mẫu số 1, công thức M1813568 bào chế ngày 20/12/2019. Thành phần: Fucoidan 105mg, Lentinan 60mg, Lactose, agnesium stearate, vỏ nang gelatin vừa đủ 1 viên nang cứng 600mg. Liều dùng dự kiến trên lâm sàng: 4 viên/ngày

- **Động vật thực nghiệm:** Chuột cống trắng chủng Wistar, cả hai giống, khỏe mạnh, cân nặng $160 \pm 20g$. Động vật được nuôi 5-7 ngày trước khi nghiên cứu và trong suốt thời gian nghiên cứu trong điều kiện phòng thí nghiệm với đầy đủ thức ăn và nước uống tại Bộ môn Dược lý, Trường Đại học Y Hà Nội.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu thực nghiệm

2.3.2. Máy móc phục vụ nghiên cứu

*Hóa chất nghiên cứu:

- Kít định lượng các enzym và chất chuyển hóa trong máu: ALT (alanin aminotransferase), AST (aspartat aminotransferase), bilirubin toàn phần, albumin, cholesterol toàn phần, creatinin của hãng Erba (Đức).

- Các hóa chất xét nghiệm và làm tiêu bản mô bệnh học.

*Dụng cụ nghiên cứu:

- Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động Erba Chem 5 V3 của Đức.

- Máy xét nghiệm huyết học ABX Micros ES 60 của Pháp.

2.3.3. Chỉ số nghiên cứu: Các chỉ tiêu theo

đổi trước và trong quá trình nghiên cứu:

- Tình trạng chung, thể trọng của chuột cống trắng.
- Đánh giá chức năng gan thông qua định lượng một số chất chuyển hoá trong máu: bilirubin toàn phần, albumin và cholesterol toàn phần.

- Đánh giá mức độ tổn thương tế bào gan thông qua định lượng hoạt độ enzym trong máu: AST, ALT.

- Đánh giá chức năng thận thông qua định lượng nồng độ creatinin huyết thanh.

- Mô bệnh học: Sau 12 tuần uống thuốc, chuột cống trắng được mổ để quan sát đại thể toàn bộ các cơ quan. Kiểm tra ngẫu nhiên cấu trúc vi thể gan, thận của 30% số chuột cống trắng ở mỗi lô. Các xét nghiệm vi thể được thực hiện tại Trung tâm Nghiên cứu và phát hiện sớm ung thư.

2.3.4. Quy trình nghiên cứu: Nghiên cứu độc tính bán trường diễn đường uống trên chuột cống trắng được tiến hành theo hướng dẫn của Tổ chức Y tế thế giới về thuốc có nguồn gốc được liệu. Chuột cống trắng được chia làm 3 lô, mỗi lô 10 con.

+ Lô 1 (chứng sinh học) (n = 10): uống dung môi pha thuốc 10ml/kg/ngày

+ Lô trị 1 (n = 10): uống Fucolen liều 0,48 viên/kg/ngày (liều có tác dụng tương đương liều dự kiến trên người, tính theo hệ số 6).

+ Lô trị 2 (n = 10): uống Fucolen liều 1,44 viên/kg/ngày (gấp, 3 lần lô trị 1).

Chuột được uống nước hoặc thuốc thử trong 12 tuần liên tục, mỗi ngày một lần vào buổi sáng. Các thông số theo dõi được kiểm tra vào trước lúc uống thuốc, sau 4 tuần, 8 tuần và sau 12 tuần uống thuốc.

2.4. Xử lý số liệu: Số liệu được nhập bằng phần mềm Epidata 3.1, phân tích số liệu và phân tích sự khác biệt bằng T-test (Stata 11.0). Các số liệu nghiên cứu được thu thập và xử lý bằng phương pháp thống kê y sinh học theo t-test-Student và test trước sau (Avant-après). Biểu diễn dưới dạng $\bar{x} \pm SD$. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi $p < 0,05$.

2.5. Đạo đức trong nghiên cứu: Nghiên cứu được chấp thuận bởi Hội đồng đạo đức nghiên cứu y sinh học, Bệnh viện K theo quyết định số 563/BVK – HĐĐĐ và tuân thủ chặt chẽ các quy trình.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Trong thời gian thí nghiệm, chuột ở các lô hoạt động bình thường, nhanh nhẹn. Tuy nhiên, sau uống thuốc 1 tuần ở lô uống Fucolen liều cao chuột xuất hiện tiêu chảy và kéo dài 5 ngày. Các

tuần tiếp theo chuột ăn uống tốt, không bị tiêu chảy. Phân khô trong suốt thời gian nghiên cứu. Lô uống Fucolen liều thấp chuột ăn uống

Bảng 1. Ảnh hưởng của Fucolen đến hoạt độ AST (GOT) trong máu chuột

Thời gian	Hoạt độ AST (UI/l)			P (t-test Student)
	Lô chứng	Lô trị 1	Lô trị 2	
Trước uống thuốc	105,80 ± 29,17	106,60 ± 12,73	98,00 ± 15,51	> 0,05
Sau 4 tuần uống thuốc	87,40 ± 22,16	108,10 ± 27,66	86,13 ± 19,91	> 0,05
p (trước - sau)	> 0,05	> 0,05	> 0,05	
Sau 8 tuần uống thuốc	90,20 ± 19,15	89,70 ± 21,59	90,50 ± 21,99	> 0,05
p (trước - sau)	> 0,05	> 0,05	> 0,05	
Sau 12 tuần uống thuốc	81,50 ± 23,02	93,40 ± 18,51	85,63 ± 21,82	> 0,05
p (trước - sau)	> 0,05	> 0,05	> 0,05	

Kết quả ở các bảng 1 cho thấy: sau 4 tuần, 8 tuần và 12 tuần uống Fucolen, xét nghiệm đánh giá mức độ tổn thương tế bào gan thông qua hoạt độ AST trong máu chuột ở lô trị 1 (uống Fucolen liều 0,48 viên/kg/ngày) và lô trị 2 (uống Fucolen liều 1,44 viên/kg/ngày), không có sự khác biệt có ý nghĩa so với lô chứng và so sánh giữa hai thời điểm trước và sau khi uống thuốc thử ($p > 0,05$).

Bảng 2. Ảnh hưởng của Fucolen đến hoạt độ ALT (GPT) trong máu chuột

Thời gian	Hoạt độ ALT (UI/l)			p(t-test Student)
	Lô chứng	Lô trị 1	Lô trị 2	
Trước uống thuốc	49,30 ± 12,37	47,40 ± 7,92	39,38 ± 6,80	> 0,05
Sau 4 tuần uống thuốc	49,60 ± 18,73	49,00 ± 9,84	45,50 ± 10,43	> 0,05
p (trước - sau)	> 0,05	> 0,05	> 0,05	
Sau 8 tuần uống thuốc	49,70 ± 14,90	47,40 ± 8,78	42,38 ± 10,91	> 0,05
p (trước - sau)	> 0,05	> 0,05	> 0,05	
Sau 12 tuần uống thuốc	39,40 ± 12,19	41,90 ± 8,32	51,25 ± 17,03	> 0,05
p (trước - sau)	> 0,05	> 0,05	> 0,05	

Sau 4 tuần, 8 tuần và 12 tuần uống Fucolen, xét nghiệm đánh giá mức độ tổn thương tế bào gan (hoạt độ ALT trong máu chuột) ở lô trị 1 (uống Fucolen liều 0,48 viên/kg/ngày) và lô trị 2 (uống Fucolen liều 1,44 viên/kg/ngày), không có sự khác biệt có ý nghĩa so với lô chứng và so sánh giữa hai thời điểm trước và sau khi uống thuốc thử ($p > 0,05$).

Bảng 3. Ảnh hưởng của Fucolen đến nồng độ bilirubin toàn phần trong máu chuột

Thời gian	Bilirubin toàn phần (mmol/l)			P (t-test Student)
	Lô chứng	Lô trị 1	Lô trị 2	
Trước uống thuốc	13,34 ± 0,54	13,39 ± 0,35	13,70 ± 0,39	> 0,05
Sau 4 tuần uống thuốc	13,42 ± 0,40	13,41 ± 0,24	13,56 ± 0,32	> 0,05
p (trước - sau)	> 0,05	> 0,05	> 0,05	
Sau 8 tuần uống thuốc	13,40 ± 0,41	13,57 ± 0,32	13,43 ± 0,32	> 0,05
p (trước - sau)	> 0,05	> 0,05	> 0,05	
Sau 12 tuần uống thuốc	13,40 ± 0,54	13,47 ± 0,44	13,50 ± 0,26	> 0,05
p (trước - sau)	> 0,05	> 0,05	> 0,05	

Bảng 3 cho thấy: sau 12 tuần uống Fucolen, xét nghiệm đánh giá chức năng gan nồng độ bilirubin toàn phần trong máu chuột ở cả lô trị 1 (uống Fucolen liều 0,48 viên/kg/ngày) và lô trị 2 (uống Fucolen liều 1,44 viên/kg/ngày) đều không có sự khác biệt có ý nghĩa so với lô chứng và so sánh giữa hai thời điểm trước và sau khi uống thuốc thử ($p > 0,05$).

Bảng 4. Ảnh hưởng của Fucolen đến nồng độ albumin trong máu chuột

Thời gian	Albumin (g/dl)			P (t-test Student)
	Lô chứng	Lô trị 1	Lô trị 2	
Trước uống thuốc	3,59 ± 0,24	3,43 ± 0,38	3,36 ± 0,39	> 0,05
Sau 4 tuần uống thuốc	3,43 ± 0,32	3,38 ± 0,42	3,25 ± 0,27	> 0,05
p (trước - sau)	> 0,05	> 0,05	> 0,05	
Sau 8 tuần uống thuốc	3,39 ± 0,30	3,18 ± 0,33	3,14 ± 0,37	> 0,05
p (trước - sau)	> 0,05	> 0,05	> 0,05	
Sau 12 tuần uống thuốc	3,33 ± 0,29	3,61 ± 0,32	3,33 ± 0,36	> 0,05
p (trước - sau)	> 0,05	> 0,05	> 0,05	

Bảng 4 cho thấy: xét nghiệm đánh giá chức năng gan nồng độ albumin trong máu chuột ở lô trị 1 và lô trị 2 không có sự khác biệt có ý nghĩa so với lô chứng và so sánh giữa hai thời điểm trước và sau khi uống thuốc thử 12 tuần ($p > 0,05$).

Bảng 5. Ảnh hưởng của Fucolen đến nồng độ cholesterol toàn phần trong máu chuột

Thời gian	Cholesterol toàn phần (mmol/l)			P (t- test Student)
	Lô chứng	Lô trị 1	Lô trị 2	
Trước uống thuốc	1,81 ± 0,22	1,74 ± 0,28	1,69 ± 0,25	> 0,05
Sau 4 tuần uống thuốc	1,65 ± 0,23	1,72 ± 0,30	1,53 ± 0,24	> 0,05
p (trước - sau)	> 0,05	> 0,05	> 0,05	
Sau 8 tuần uống thuốc	1,64 ± 0,38	1,91 ± 0,21	1,58 ± 0,25	> 0,05
p (trước - sau)	> 0,05	> 0,05	> 0,05	
Sau 12 tuần uống thuốc	1,86 ± 0,39	1,88 ± 0,30	1,71 ± 0,34	> 0,05
p (trước - sau)	> 0,05	> 0,05	> 0,05	

Kết quả ở bảng 5 cho thấy cho thấy: Tại thời điểm sau 4 tuần, 8 tuần và 12 tuần uống Fucoilen, xét nghiệm đánh giá chức năng gan nồng độ cholesterol toàn phần trong máu chuột cả lô trị 1 (uống Fucoilen liều 0,48 viên/kg/ngày) và lô trị 2 (uống Fucoilen liều 1,44 viên/kg/ngày) không có sự khác biệt có ý nghĩa so với lô chứng và so sánh giữa hai thời điểm trước và sau khi uống thuốc thử 12 tuần ($p > 0,05$).

Bảng 6. Ảnh hưởng của Fucoilen đến nồng độ creatinin trong máu chuột

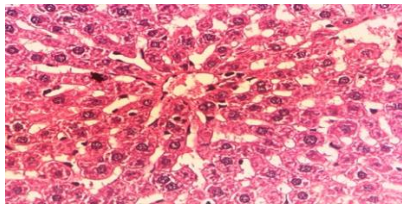
Thời gian	Creatinin (mg/dl)			P (t- test Student)
	Lô chứng	Lô trị 1	Lô trị 2	
Trước uống thuốc	0,81 ± 0,22	0,75 ± 0,16	0,84 ± 0,13	> 0,05
Sau 4 tuần uống thuốc	0,88 ± 0,18	0,84 ± 0,15	0,86 ± 0,12	> 0,05
p (trước - sau)	> 0,05	> 0,05	> 0,05	
Sau 8 tuần uống thuốc	0,72 ± 0,11	0,80 ± 0,14	0,79 ± 0,19	> 0,05
p (trước - sau)	> 0,05	> 0,05	> 0,05	
Sau 12 tuần uống thuốc	0,74 ± 0,13	0,82 ± 0,14	0,81 ± 0,14	> 0,05
p (trước - sau)	> 0,05	> 0,05	> 0,05	

Bảng 6 cho thấy: sau 12 tuần uống Fucolen, ở cả lô trị 1 (uống Fucolen liều 0,48 viên/kg/ngày) và lô trị 2 (uống Fucolen liều 1,44 viên/kg/ngày), nồng độ creatinin trong máu chuột không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê so với lô chứng và so sánh giữa hai thời điểm trước và sau khi uống thuốc thử ($p > 0,05$).

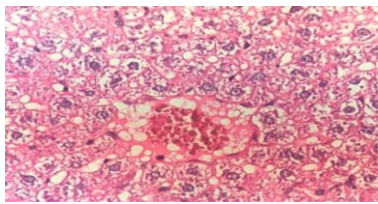
***Hình ảnh đại thể và vi thể cơ quan sau 12 tuần nghiên cứu**

- **Hình ảnh đại thể:** Trên tất cả các chuột nghiên cứu (lô chứng và 2 lô trị), không quan sát thấy có thay đổi bệnh lý nào về mặt đại thể của các cơ quan: tim, phổi, gan, lách, tụy, thận và hệ thống tiêu hóa của chuột.

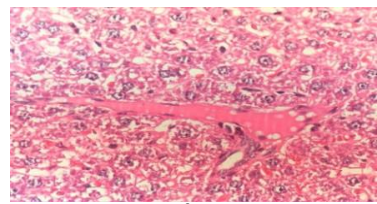
- **Hình ảnh vi thể gan và thận:** không quan sát thấy có thay đổi bệnh lý nào về mặt vi thể thể của gan, thận giữa lô chứng và lô trị. các cơ quan: tim, phổi, gan, lách, tụy, thận và hệ thống tiêu hóa của chuột.



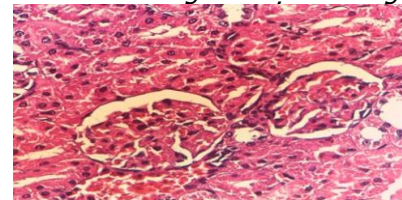
Hình ảnh vi thể gan chuột lô chứng



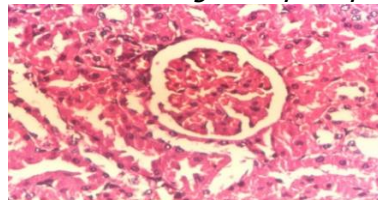
Hình ảnh vi thể gan chuột lô trị 1



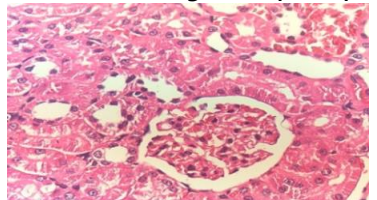
Hình ảnh vi thể gan chuột lô trị 2



Hình ảnh vi thể thận chuột lô chứng



Hình ảnh vi thể thận chuột lô chứng 1



Hình ảnh vi thể thận chuột lô chứng 2

V. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu độc tính bán trường diễn theo đường uống của viên nang cứng Fucolen cho thấy Fucolen liều tương đương liều dự kiến lâm sàng (0,48 viên/kg/ngày) không làm ảnh hưởng xấu đến tình trạng chung, trọng lượng của chuột cống trắng tăng so với trước nghiên cứu, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê so với lô chứng sau 12 tuần nghiên cứu. Không gây tổn thương tế bào gan (hoạt độ AST, ALT trong máu chuột cống trắng), không làm thay đổi kết quả nồng độ bilirubin toàn phần, cholesterol toàn phần và albumin trong máu chuột cống trắng so với lô chứng. Không có sự khác biệt rõ ràng về cấu trúc vi thể gan và thận khi so sánh giữa lô trị và lô chứng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Cuong H.D., Thuy T.T.T., Huong T.T., và cộng sự.** Structure and hypolipidaemic activity of fucoidan extracted from brown seaweed *Sargassum*

- henslowianum*. Nat. Prod. Res. 2015; 29:411–415.
2. **Malve H.** Exploring the ocean for new drug developments: Marine pharmacology. J. Pharm. Bioallied Sci. 2016; 8:83–91.
 3. **Kinghorn A.D., Chin Y.W., Swanson S.M.** Discovery of natural product anticancer agents from biodiverse organisms. Curr. Opin. Drug Discov. Dev. 2009;12: 189–196.
 4. **Sanjeewa K.K.A., Kim E.A., Son K.T., và cộng sự.** Bioactive properties and potentials cosmeceutical applications of phlorotannins isolated from brown seaweeds: A review. J. Photochem. Photobiol. B-Biol. 2016; 162:100–105.
 5. **Cunha L., Grenha A.** Sulfated Seaweed Polysaccharides as Multifunctional Materials in Drug Delivery Applications. Mar. Drugs. 2016; 14:42.
 6. **Sanjeewa K.K.A., Kim E.A., Son K. T.** Bioactive properties and potentials cosmeceutical applications of phlorotannins isolated from brown seaweeds: A review. J. Photochem. Photobiol. B-Biol. 2016; 162:100–105.
 7. **Bộ Y tế.** Quy chế Đánh giá tính an toàn và hiệu lực thuốc Cổ truyền. Quyết định số 371/BYT-QĐ ngày 12/3/1996. 1996.

NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG, CẬN LÂM SÀNG UNG THƯ HẠ HỌNG - THANH QUẢN GIAI ĐOẠN III, IVA-B TẠI BỆNH VIỆN UNG BƯỞU NGHỆ AN NĂM 2020

Thái Đình Hiếu¹, Nguyễn Tiên Quang²

TÓM TẮT

Ung thư hạ họng - thanh quản (UTHH-TQ) là loại ung thư tương đối phổ biến, chiếm khoảng 6% trong các loại ung thư vùng đầu cổ. Bệnh không những ảnh hưởng trầm trọng đến các chức năng thở, nuốt và nói mà còn nguy hại đến tính mạng. Nếu được phát hiện sớm và điều trị kịp thời có thể hạ thấp tỉ lệ tử vong một cách đáng kể. **Mục tiêu:** Mô tả một số đặc điểm lâm sàng, mô bệnh học UTHH-TQ giai đoạn III, IVA-B. Đánh giá hình thái tổn thương UTHH-TQ qua nội soi. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** 53 người bệnh và 48 hồ sơ bệnh án UTHH-TQ giai đoạn III, IVA-B tại bệnh viện Ung bướu Nghệ An từ tháng 01/2020 đến hết tháng 12/2020. **Phương pháp nghiên cứu:** Thu thập số liệu thông tin thứ cấp trên 48 bệnh án, khám và hỏi trên 53 người bệnh. **Kết quả:** Chỉ số toàn trạng (PS) chủ yếu PS=1 (64,4%); rối loạn nuốt 93/101(92,1%), nổi hạch cổ 74/101 (73,3%), khàn tiếng 21/101(20,8%). Giai đoạn bệnh chủ yếu giai đoạn IV 70/101 (79,3%). Mô bệnh học:

100% ung thư biểu mô tế bào vảy có độ mô học II và III. Ung thư hạ họng - thanh quản chủ yếu xuất phát từ xoang lê 82/101(81,2%). Thể sùi gập nhiều nhất 70/101(69,3%).

Từ khóa: Ung thư hạ họng - thanh quản; đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng.

SUMMARY

RESEARCH CLINICAL AND SUBCLINICAL CHARACTERISTICS OF STAGE III, IVA-B HYPOPHARYNGEAL AND LARYNGEAL CANCER IN NGHE AN ONCOLOGY HOSPITAL IN 2020

Hypopharyngeal and laryngeal cancer is a common cancer, accounting for approximately 6% of head and neck carcinoma. The disease is not only seriously affecting to the functions of breathing, swallowing and speaking but also life-threatening. If the disease is detected and treated early, it can reduce significantly the incidence of mortality. **Objective:** To describe some clinical characteristics, histopathology of stage III, IVA-B hypopharyngeal and laryngeal cancer. To assess morphological lesions of hypopharyngeal and laryngeal cancer by endoscopy. **Patients and methods:** 101 patients with stage III, IVA-B hypopharyngeal and laryngeal cancer received neoadjuvant chemotherapy or chemoradiotherapy in Nghe An Oncology hospital from January 2020 to December 2020. **Method:** Data collection on 48 medical records and 53 patients. **Results:** PS=1 is

¹Bệnh viện Ung bướu Nghệ An

²Bệnh viện K

Chịu trách nhiệm chính: Thái Đình Hiếu

Email: Thaihieutbmu@gmail.com

Ngày nhận bài: 15.01.2021

Ngày phản biện khoa học: 15.3.2021

Ngày duyệt bài: 25.3.2021